

Bản án số: 188 /2021/HNGĐ- ST

Ngày: 06/5/2021

V/v tranh chấp Ly hôn và con chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Vương Đăng Khoa**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Phạm Tiến Lợi**

Ông **Nguyễn Hữu Trọng**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Lê Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:** Bà **Triệu Thị Hồng** - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 05 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 58/2021/TLST- HNGĐ ngày 03/02/2021 về việc tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXX-ST ngày 06/4/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1993; HKTT: Số 10, tổ 3, khu T, thị trấn X, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn Y, xã H, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.( Có mặt)

**- Bị đơn:** Anh **Tổng Bá P**, sinh năm 1991; HKTT: Số 10, tổ 3, khu T, thị trấn X, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.( Có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - chị Phạm Thị H trình bày:**

Tôi và anh **Tổng Bá P** kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn X ngày 19/12/2018. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc một vài năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh P mãi mê chơi bời, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Tôi và anh P đã ly thân từ tháng 11/2020 đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh P.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Tổng Hoài A, sinh ngày 15/02/2019. Ly hôn tôi xin được nuôi cháu A, tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: không có.

Về án phí: Tôi tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

**Bị đơn - anh Tổng Bá P trình bày:** Tôi kết hôn với chị Phạm Thị H là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn X ngày 19/12/2018. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại khu Tân Trượng, thị trấn X, đến ngày 22/11/2020 thì chị H về nhà bố mẹ đẻ tại xã H, huyện Chương Mỹ ở. Nguyên nhân mâu thuẫn do vấn đề kinh tế. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Tổng Hoài A, sinh ngày 15/02/2019. Nếu ly hôn tôi xin được nuôi cháu A, tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: không có.

**Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Chị H được ly hôn anh P. Con chung: Giao cháu A cho chị H nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của anh P. Tài sản, công sức, công nợ: không yêu cầu giải quyết. Chị Phạm Thị H phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Chị Phạm Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết được ly hôn anh Tổng Bá P. Anh P đang sinh sống tại khu T, thị trấn X, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Tổng Bá P thiết lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn X ngày 19/12/2018 là hợp pháp. Quá trình chị H và anh P chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Theo chị H nguyên nhân mâu thuẫn do anh P mãi chơi bời, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Anh P trình bày vợ chồng có mâu

thuần về vấn đề kinh tế nhưng anh không đồng ý ly hôn. Chị H và anh P đều xác nhận vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2020 đến nay. Tại phiên tòa, Anh P không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh P.

Xét thấy, tình cảm giữa chị H và anh P không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H với anh P là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh P có 01 con chung là cháu Tổng Hoài A, sinh ngày 15/02/2019. Xét thấy, cháu A chưa đủ 36 tháng tuổi. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi*”. Do đó, giao cho chị H được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tổng Hoài A đến khi trưởng thành hoặc có quyết định thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh P.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ: Chị H và anh P không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

**[3] Về án phí:** Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên!*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Tống Bá P

2. Về con chung: Chị H và anh P có 01 con chung là cháu Tổng Hoài A, sinh ngày 15/02/2019

Giao cho chị Phạm Thị H được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Tổng Hoài A, sinh ngày 15/02/2019, đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh P đến khi có quyết định thay đổi khác.

Anh Tống Bá P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được tính trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0010547 ngày 03/02/2021.

Chị Phạm Thị H, anh Tống Bá P có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện ( 02 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP
- Chi cục THA dân sự Chương Mỹ

**T/M Hội đồng xét xử  
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa**

**Vương Đăng Khoa**